**ETS 1200 – SCRIPT & TRANS – PART 3 – TEST 06**

|  |  |
| --- | --- |
| **Questions 44-46 refer to the following conversation.**  **M-Am: 44Thank you for calling Riverside Gas Company. How may I help you?**  **W-Am:** Hello, I have a question about my heating bill for this month. My heating gas usage hasn’t changed recently, but the charges seem much higher this time.  **M-Am:** **45It might be that the gas rates went up in your area,** but let me look at your account record to be sure. **46What’s the account number?**  **W-Am:** It’s two five one oh one. I live in Hutchins. | **Câu hỏi 44-46 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.**  **M-Am:** Cảm ơn cô đã gọi điện đến công ty Gas Riverside. Tôi có thể giúp gì cho cô?  **W-Am:** Xin chào, tôi có một câu hỏi về hoá đơn hệ thống sưởi tháng này. Gần đây, việc sử dụng gas của tôi không có thay đổi gì, nhưng lần này chi phí dường như cao hơn nhiều.  **M-Am:** Có lẽ là do giá gas đã tăng tại nơi cô ở, nhưng hãy để tôi kiểm tra lịch sử tài khoản của cô cho chắc. Số tài khoản là gì?  **W-Am:** Là 25101. Tôi sống ở Hutchins. |
| 44.What kind of company does the man  work for?  (A) A telephone company  (B) A shipping company  **(C) A heating gas company**  (D) A bank  45.How does the man explain the change in  the woman’s bill?  **(A) The price may have increased.**  (B) The account number has changed.  (C) The company made a mistake.  (D) The woman may have used more  heat.  46.What information is the woman asked to  provide?  (A) Her address  **(B) Her account number**  (C) Her account balance  (D) Her credit card number | 44. Người đàn ông làm việc cho công ty gì?  (A) Một công ty điện thoại  (B) Một công ty giao hàng  **(C) Một công ty cung cấp gas**  (D) Một ngân hàng  45. Người đàn ông giải thích sự thay đổi  trong hoá đơn của người phụ nữ như thế  nào?  **(A) Giá cả có thể đã tăng.**  (B) Số tài khoảng đã thay đổi.  (C) Công ty đã có sự nhầm lẫn.  (D) Người phụ nữ có thể đã dùng hệ  thống sưởi nhiều.  46. Người phụ nữ được yêu cầu cung cấp  thông tin gì?  (A) Địa chỉ của cô ấy  **(B) Số tài khoản của cô ấy**  (C) Số dư trong tài khoản của cô ấy  (D) Số thẻ tín dụng của cô ấy |

|  |  |
| --- | --- |
| **Questions 47-49 refer to the following conversation.**  **W-Br: 47Joe, what time is everyone meeting to celebrate Lucinda’s birthday?**  **M-Am: 48The reservation is for six o’clock.** Do you remember where the restaurant is?  **W-Br:** Yes, it’s on Elm Street, next to  the dry cleaner’s. **49But I need to go to**  **the bank first,** so I won’t get there until  six-thirty. | **Câu hỏi 47-49 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.**  **W-Br:** Joe, mấy giờ thì mọi người họp mặt để tổ chức sinh nhật cho Lucinda?  **M-Am:** Đã đặt tiệc lúc 6 giờ. Cô có nhớ nhà hàng ở đâu không?  **W-Br:** Có, nó nằm trên phố Elm, bên cạnh tiệm sấy khô. Nhưng tôi cần đến ngân hàng trước, vì thế tôi sẽ đến đó lúc 6 giờ 30. |
| 47. What is being celebrated?  (A) The opening of a restaurant  (B) A friend’s promotion  (C) The anniversary of a bank  **(D) A friend’s birthday**  48. What time does the celebration begin?  (A) At 5:00  **(B) At 6:00**  (C) At 6:30  (D) At 7:00  49. Where will the woman go first?  (A) To a conference room  (B) To a dry cleaner’s  **(C) To a bank**  (D) To a restaurant | 47. Cái gì sắp được tổ chức?  (A) Khai trương một nhà hàng  (B) Sự thăng chức của một người bạn  (C) Lễ kỉ niệm của một ngân hàng  **(D) Sinh nhật của một người bạn**  48. Buổi tiệc bắt đầu lúc mấy giờ?  (A) 5 giờ  **(B) 6 giờ**  (C) 6 giờ 30  (D) 7 giờ  49. Người phụ nữ sẽ đi đâu đầu tiên?  (A) Đến phòng hội thảo  (B) Đến tiệm sấy  **(C) Đến ngân hàng**  (D) Đến nhà hàng |

|  |  |
| --- | --- |
| **Questions 50-52 refer to the following conversation.**  **W-Am:** **50Michael, I heard you won a prize for your poetry. Congratulations!**  **M-Br:** Thanks, I’m really honored that the Corwin Foundation recognized my writing.  **W-Am:** You must be very pleased. Are you writing anything now?  **M-Br:** Well, **52I’ve just started my first novel,** and **51I hope to enroll in a writing**  **workshop this summer.** | **Câu hỏi 50-52 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.**  **W-Am:** Michael, tôi đã nghe tin anh đoạt giải về thơ ca của mình. Xin chúc mừng!  **M-Br:** Cảm ơn cô, tôi thật sự vinh hạnh vì Corwin Foundation đã công nhận tác phẩm của tôi.  **W-Am:** Anh chắc phải hài lòng lắm. Hiện anh có đang viết tác phẩm nào không?  **M-Br:** À, tôi vừa mới bắt đầu cuốn tiểu thuyết đầu tay của mình, và tôi hi vọng tham gia vào hội thảo viết văn mùa hè này. |
| 50. Why is Michael pleased?  (A) He published an article.  **(B) He won a prize.**  (C) He met his favorite poet.  (D) He taught his first writing class.  51. What does Michael hope to do?  (A) Take a summer vacation  **(B) Sign up for a workshop**  (C) Apply for a scholarship  (D) Join a reading club  52. What is Michael currently working on?  **(A) A novel**  (B) A research paper  (C) A news story  (D) A poem | 50. Tại sao Michael cảm thấy hài lòng?  (A) Anh ấy đã xuất bản một bài báo.  **(B) Anh ấy đã đoạt giải.**  (C) Anh ấy đã gặp nhà thơ yêu thích.  (D) Anh ấy đã dạy lớp viết văn đầu tiên  của mình.  51. Michael hi vọng làm gì?  (A) Có một chuyến đi nghỉ mùa hè  **(B) Đăng kí một buổi hội thảo**  (C) Ứng tuyển cho một học bổng  (D) Tham gia một câu lạc bộ đọc.  52. Michael hiện đang làm việc về cái gì?  **(A) Một cuốn tiểu thuyết**  (B) Một bài nghiên cứu  (C) Một câu chuyện tin tức  (D) Một bài thơ |

|  |  |
| --- | --- |
| **Questions 56-58 refer to the following conversation.**  **W-Am:** Excuse me. **56How much does it cost to park here?**  **M-Am:** **56It’s five dollars for the first hour, and then three dollars for every**  **additional hour.**  **W-Am:** That’s kind of expensive. **57I just need to run into the bookstore – they’re**  **holding some books I ordered.** It’ll only take a few minutes.  **M-Am:** **58Well, the parking area behind the art museum only charges two dollars**  **for a half hour.** You should be able to find a space there. | **Câu hỏi 56-58 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.**  **W-Am:** Xin lỗi. Phí đậu xe ở đây là bao nhiêu vậy?  **M-Am:** 5 đô-la cho giờ đầu, sau đó là 3 đô-la cho mỗi giờ tiếp theo.  **W-Am:** Khá đắt nhỉ. Tôi chỉ cần chạy vào hiệu sách – họ đang có vài cuốn sách mà tôi đã đặt. Chỉ mất có vài phút.  **M-Am:** Vâng, bãi đỗ xe phía sau viện bảo tàng nghệ thuật có phí chỉ 2 đô-la / giờ. Cô có thể tìm được một chỗ đậu xe ở đó. |
| 56. Who most likely is the man?  **(A) A parking attendant**  (B) A bank manager  (C) A museum director  (D) A bookstore clerk  57. Where is the woman going?  (A) To get some money  (B) To walk in the park  **(C) To pick up an order**  (D) To visit a museum  58. Why does the man recommend a  different location?  (A) It is in a more convenient place.  **(B) It offers lower prices.**  (C) It has more free space.  (D) It can fill special orders for customer. | 56. Người đàn ông có thể là ai?  **(A) Một người tham gia đậu xe**  (B) Một người quản lí ngân hàng  (C) Một giám đốc bảo tàng  (D) Một thư kí hiệu sách  57. Người phụ nữ đang đi đâu?  (A) Đi lấy tiền  (B) Đi bộ trong công viên  **(C) Đi nhận đơn đặt hàng**  (D) Tham quan viện bảo tàng  58. Tại sao người đàn ông lại đề xuất một  địa điểm khác?  (A) Nó nằm ở một nơi thuận tiện hơn.  **(B) Chỗ đó có giá thấp hơn.**  (C) Chỗ đó có nhiều chỗ trống.  (D) Chỗ đó có thể đáp ứng các đơn hàng  đặc biệt cho khách hàng. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Questions 62-64 refer to the following conversation.**  **W-Am:** **63Robert, have you received your new access card? I got mine on Friday.**  **M-Am:** Friday? **62I still don’t have mine. I have to ask a security guard to open the door for me every day.**  **W-Am:** **64Maybe you should speak to someone in the security office about issuing you a card.**  **M-Am:** You’re right. I’ll go there after lunch. | **Câu hỏi 62-64 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.**  **W-Am:** Robert, anh đã nhận được thẻ vào cửa chưa? Tôi đã nhận được thẻ của mình vào thứ Sáu.  **M-Am:** Thứ Sáu sao? Tôi vẫn chưa có thể của mình. Tôi phải yêu cầu nhân viên an ninh mở cửa cho tôi mỗi ngày.  **W-Am:** Anh nên nói chuyện với ai đó ở bộ phận an ninh về việc phát cho anh một cái thẻ.  **M-Am:** Cô nói đúng. Tôi sẽ đến đó sau khi ăn trưa. |
| 62.What is the man’s problem?  (A) He cannot find the security office.  (B) He cannot find the exit.  **(C) He cannot open the door.**  (D) He has too much to do.  63.When did the woman receive her access  card?  (A) On Tuesday  (B) On Wednesday  (C) On Thursday  **(D) On Friday**  64.What does the woman suggest the man  do?  (A) Wait for the security guard  (B) Use the back door  (C) Go to lunch earlier  **(D) Contact the security office** | 62. Người đàn ông gặp vấn đề gì?  (A) Anh ấy không tìm thấy phòng an ninh  (B) Anh ấy không tìm thấy lối thoát.  **(C) Anh ấy không thể mở cửa ra vào**  (D) Anh ấy có quá nhiều việc để làm  63. Người phụ nữ đã nhận thẻ ra vào của mình  vào lúc nào?  (A) Vào thứ Ba  (B) Vào thứ Tư  (C) Vào thứ Năm  **(D) Vào thứ Sáu**  64. Người phụ nữ đề nghị người đàn ông làm  gì?  (A) Đợi nhân viên an ninh  (B) Sử dụng cửa sau  (C) Đi ăn trưa sớm hơn  **(D) Liên hệ với phòng an ninh** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Questions 68-70 refer to the following conversation.**  **M-Am:** Hey, Vicki. **68Have you had any problems using your computer this morning? I can’t log on to mine.**  **W-Am:** Our passwords expired last night**. 69You have to go to the technical services**  **office to have a new one set up.**  **M-Am:** **69OK**… that’s down on the first floor by the machine room, right?  **W-Am:** It’s on the first floor, but you need to turn left at the reception desk and go all  the way down that hallway. **70It’s right next to the security office.** | **Câu hỏi 68-70 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.**  **M-Am:** Này, Vicki. Sáng nay cô có gặp vấn đề gì khi sử dụng máy tính của cô không? Tôi không thể đăng nhập vào máy của mình.  **W-Am:** Mật khẩu của chúng ta đã hết hạn vào tối qua. Anh nên đến phòng dịch vụ kĩ thuật để xin cấp mật khẩu mới.  **M-Am:** Được… phòng đó nằm ở tầng 1 bên cạnh phòng máy phải không?  **W-Am:** Nó nằm ở tầng 1, nhưng anh cần rẽ trái tại quầy lễ tân và đi hết tiền sảnh. Nó ngay bên cạnh phòng an ninh. |
| 68. What is the man’s problem?  (A) He lost his room keys.  (B) He was late coming to work.  **(C) He cannot access his computer.**  (D) He forgot his computer.  69. What will the man probably do next?  (A) Go to the machine room  **(B) Get a new password**  (C) Call the reception desk  (D) Ask a security guard for help  70. Where is the technical services office located?  (A) On the second floor  (B) Next to the reception desk  **(C) Near the security office**  (D) By the stairs | 68. Người đàn ông gặp vấn đề gì?  (A) Anh ấy mất chì khoá phòng.  (B) Anh ấy đi làm trễ.  **(C) Anh ấy không thể truy cập vào**  **máy tính của mình.**  (D) Anh ấy để quên máy tính.  69. Người đàn ông sẽ làm gì tiếp theo?  (A) Đến phòng máy móc  **(B) Lấy mật khẩu mới**  (C) Gọi cho bàn lễ tân  (D) Yêu cầu nhân viên an ninh giúp đỡ  70. Phòng dịch vụ kĩ thuật nằm ở đâu?  (A) Ở tầng 2  (B) Bên cạnh bàn lễ tân  **(C) Gần phòng an ninh**  (D) Bên cạnh cầu thang |